

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường tại ấp Hòa Lợi, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh của Công ty TNHH Khoáng sản Tam Hiệp Phát

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNM ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 899/STNMT-PBVM ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án khai thác mỏ vật liệu xây dựng thông thường của Công ty TNHH Khoáng sản Tam Hiệp Phát;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường tại ấp Hòa Lợi, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 02/CV-THP ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Công ty TNHH Khoáng sản Tam Hiệp Phát;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 11.2.7.../TTr-STNMT ngày 17 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường của Công ty TNHH Khoáng sản Tam Hiệp Phát (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) thực hiện tại ấp Hòa Lợi, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Tân Biên;
- UBND xã Hòa Hiệp;
- LĐVP-CVK;
- Lưu: VT, VP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH,**



Trần Văn Chiến

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KHAI THÁC MỎ KHOÁNG SẢN VẬT LIỆU
XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI ẤP HÒA LỢI, XÃ HÒA HIỆP,
HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH CỦA CÔNG TY TNHH
KHOÁNG SẢN TAM HIỆP PHÁT**

(Kèm theo Quyết định số 564./QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường.
- Địa điểm thực hiện Dự án: ấp Hòa Lợi, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Khoáng sản Tam Hiệp Phát.

1.2. Phạm vi, quy mô:

- Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 8,57 ha (85.700 m²) có tọa độ như sau:

STT	Hệ VN-2000, KT 105°30' múi chiếu 3°		Diện tích (m ²)
	X (m)	Y(m)	
1	1 267 236,16	543 135,18	85.700
2	1 267 353,28	543 451,02	
3	1 267 274,35	543 451,00	
4	1 267 262,24	543 445,12	
5	1 267 233,37	543 429,94	
6	1 267 207,09	543 415,18	
7	1 267 191,42	543 412,54	
8	1 267 094,08	543 401,30	
9	1 267 091,81	543 425,45	
10	1 267 093,33	543 451,97	
11	1 267 069,16	543 451,61	
12	1 267 041,28	543 432,49	
13	1 267 030,45	543 428,26	
14	1 267 017,32	543 430,55	
15	1 267 005,05	543 434,86	
16	1 266 997,45	543 433,84	
17	1 266 993,35	543 428,47	
18	1 266 987,60	543 430,41	
19	1 266 985,93	543 430,30	
20	1 266 975,32	543 182,57	

- Mục tiêu: Khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường.

- Quy mô công suất khai thác: Theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 1440/GP-UBND ngày 13/7/2023; Quyết định số 2845/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 29/12/2023 về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản của Công ty trong “báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường tại ấp Hòa Lợi, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh”, với diện tích thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 8,57 ha, công nhận trữ lượng khoáng sản vật liệu xây dựng đã tính trong báo cáo với tổng trữ lượng được phép huy động vào thiết kế khai thác vật liệu cấp 122 là 515.164 m³ (nguyên khối), tương ứng 637.773 m³ nguyên khai. Trong đó:

+ Trữ lượng được phép huy động vào khai thác sỏi phún là 30.194 m³ (nguyên khối), tương ứng 37.380 m³ (nguyên khai).

+ Trữ lượng được phép huy động khai thác nguyên khối đất san lấp là 427.424 m³ (nguyên khối), tương ứng với 529.151 m³ (nguyên khai).

+ Trữ lượng được phép huy động vào khai thác sét làm gạch là 57.546 m³ (nguyên khối), tương ứng với 71.242 m³ (nguyên khai).

+ Tổng trữ lượng chứa bờ bao và trụ bảo vệ bờ moong là 72.451 m³; Mức sâu khối trữ lượng 7 m tương ứng cote kết thúc là -1,6 m.

Công ty phân khai kế hoạch khai thác như sau:

Năm	Khối lượng nguyên khối (m ³)				Khối lượng nguyên khai (m ³)			
	Đất san lấp	Sỏi phún	Sét	Tổng	Đất san lấp	Sỏi phún	Sét	Tổng
I	Giai đoạn xây dựng cơ bản (3,6 tháng)							
	-	-	-	0	-	-	-	0
II	Giai đoạn khai thác (56,4 tháng)							
Năm 1	62.708	4.674	7.782	75.164	77.631	5.788	9.634	93.053
Năm 2	91.179	6.380	12.441	110.000	112.880	7.898	15.402	136.180
Năm 3	91.179	6.380	12.441	110.000	112.880	7.898	15.402	136.180
Năm 4	91.179	6.380	12.441	110.000	112.880	7.898	15.402	136.180
Năm 5	91.179	6.380	12.441	110.000	112.880	7.898	15.402	136.180
Tổng	427.424	30.194	57.546	515.164	529.151	37.380	71.242	637.773

Công nghệ khai thác của Dự án:

Áp dụng công nghệ khai thác mở lộ thiên, gồm: Xúc bốc, phân loại tầng sản phẩm tại gương khai thác bằng máy xúc loại 1,2 m³/gầu → Vận chuyển sản phẩm bằng ô tô (loại 15 tấn) → tiêu thụ.

- Trình tự khai thác: Tiến hành khai thác theo hình thức chia khoảnh, khai thác theo tuyến xúc, dọc theo chiều rộng biên mới mở.

- Độ sâu khai thác: cote -1,6m tương đương độ sâu trung bình 7,0m từ mặt địa hình nguyên thủy.

- Số tầng khai thác: 4 tầng (h1, h2, h3, h4). Chiều cao tầng kết thúc: $h1 = h2 = 1,5m$ và $h3 = h4 = 2m$.

1.4. Các hạng mục công trình:

- Hạng mục công trình chính của Dự án: khai trường.

- Hạng mục công trình phụ trợ: nhà điều hành tạm, hệ thống đường vận chuyển nội mỏ, hệ thống cung cấp điện, nước và thông tin liên lạc trạm cân, camera giám sát.

- Hạng mục công trình bảo vệ môi trường: kho chứa chất thải nguy hại, khu bố trí thùng đựng rác thải sinh hoạt, nhà vệ sinh di động, các hạng mục công trình bảo vệ môi trường (hàng rào, biển báo, đê bao, cây xanh,...)

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: không có.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng khai thác: hoạt động xây dựng khu nhà điều hành tạm, kho chứa chất thải; làm đường tạm trong mỏ, thu dọn mặt bằng; đắp đê bao xung quanh khai trường; hệ thống thoát nước của mỏ, lắp đặt cột mốc ranh mỏ, biển báo nguy hiểm, bảng thông báo tóm tắt thông tin của Dự án, trạm cân, camera, hàng rào kẽm gai, cây xanh xung quanh moong khai thác báo; duy tu, nâng cấp tuyến đường vận chuyển. Thời gian thực hiện 3,6 tháng.

- Trong giai đoạn khai thác: hoạt động của các máy móc, thiết bị trong quá trình khai thác: đào, xúc, bốc vật liệu xây dựng thông thường lên phương tiện vận chuyển đưa đến nơi tiêu thụ; san gạt đáy moong; duy tu, củng cố bờ moong; chăm sóc và trồng dặm cây xanh; duy tu, nâng cấp tuyến đường vận chuyển. Thời gian thực hiện 56,4 tháng.

- Trong giai đoạn kết thúc khai thác: san gạt đáy moong; đặt cống thoát nước, tháo dỡ các công trình, làm sạch mặt bằng khu vực lán trại; duy tu, nâng cấp tuyến đường vận chuyển; duy tu, sửa chữa các công trình cải tạo phục hồi môi trường, lập thủ tục hồ sơ để thực hiện công tác đóng cửa mỏ theo đúng quy định. Thời gian thực hiện 06 tháng.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng cơ bản, giai đoạn khai thác, giai đoạn kết thúc khai thác: công nhân làm việc tại mỏ không tập trung sinh hoạt tại khu mỏ chỉ đến làm việc khi có yêu cầu, chủ yếu là người địa phương ra về sau mỗi buổi làm việc nên không phát sinh nước thải sinh hoạt.

- Nước trong moong khai thác phát sinh chủ yếu vào mùa mưa gồm nước mưa chảy tràn trên mặt đất, nước mưa rơi trực tiếp xuống moong, nước dưới đất.

3.1.2. Khí thải

Trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng khai thác, giai đoạn khai thác, giai đoạn kết thúc khai thác: bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động thu dọn mặt bằng; đắp đê bao xung quanh khai trường; trồng cây xanh, lấp đặt hàng rào, biển báo xung quanh moong khai thác; duy tu, nâng cấp tuyến đường vận chuyển; đào, xúc, bốc vật liệu xây dựng thông thường lên phương tiện vận chuyển đưa đến nơi tiêu thụ; san gạt đáy moong; duy tu, củng cố bờ moong.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng khai thác, giai đoạn khai thác, giai đoạn kết thúc khai thác:

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của nhân công tại khu mỏ bao gồm bao bì, vỏ lon đựng thức uống, hộp thức ăn thừa, ...

- Chất thải rắn thông thường từ quá trình phát quang thu dọn mặt bằng, khối lượng sinh khối thực vật, chất thải rắn từ quá trình xây dựng nhà điều hành, kho chứa chất thải, tháo dỡ các công trình làm sạch mặt bằng; duy tu, nâng cấp tuyến đường vận chuyển; duy tu, sửa chữa các công trình cải tạo phục hồi môi trường,

- Chất thải nguy hại phát sinh gồm: giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại thải, dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải, bao bì cứng thải

3.3. Tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng khai thác, giai đoạn khai thác, giai đoạn kết thúc khai thác

Phát sinh từ hoạt động thu dọn mặt bằng; đắp đê bao xung quanh khai trường; lấp đặt hàng rào, biển báo xung quanh moong khai thác; duy tu, nâng cấp tuyến đường vận chuyển; hoạt động máy móc thiết bị: đào, xúc, bốc vật liệu xây dựng thông thường lên phương tiện vận chuyển đưa đến nơi tiêu thụ; san gạt đáy moong; duy tu, củng cố bờ moong; chăm sóc và trồng dặm cây xanh; duy tu, nâng cấp tuyến đường vận chuyển, ...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom, xử lý, thoát nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: như trên đã nêu do tính chất đặc thù của Dự án công nhân không tập trung sinh hoạt tại khu mỏ chỉ đến làm việc khi có yêu cầu sử dụng xe cuốc đào, vận chuyển vật liệu xây dựng đến nơi tiêu thụ nên không phát sinh nước thải sinh hoạt. Tuy nhiên, để đảm bảo thu gom triệt để chất thải sinh hoạt Dự án đầu tư 1 nhà vệ sinh di động bố trí tại khu vực nhà điều hành tạm, định kỳ (khi gần đầy) sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng bơm hút, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Nước trong moong khai thác phát sinh chủ yếu vào mùa mưa: trên mặt tầng khai thác bố trí rãnh thu gom đặt ở chân tầng khai thác, mặt tầng khai thác được thiết kế với độ dốc vào phía trong để tạo độ thoát nước tự chảy trên mặt tầng về phía rãnh thu gom. Toàn bộ nước thu gom từ khai trường chảy về hồ lắng thu nước dưới đáy moong. Nước sau khi xử lý lắng, phần nước trong được bơm cưỡng bức ra mương thoát nước tại khu vực bằng 01 máy bơm có công suất bơm 150 m³/h. Nguồn tiếp nhận là mương thoát nước chung của khu vực.

- Thường xuyên khơi thông nạo vét mương thoát nước nội đồng, không để xảy ra tình trạng ú đọng, đảm bảo khả năng tiêu thoát nước, tránh để xảy ra ngập úng cục bộ khu vực Dự án. Tái sử dụng lượng nước tại hồ thu nước để tưới đường giảm bụi, tưới cây.

4.1.2. Đối với thu gom, xử lý bụi:

** Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do khí thải của các phương tiện cơ giới*

- Các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị hoạt động tại Dự án phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị theo quy định.

- Đưa ra lịch trình thi công hợp lý, giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm. Trong hoạt động xúc bốc, Công ty quy định các xe chở đúng tải trọng, tránh trường hợp chở quá tải trọng làm rơi vãi đất thải và phát sinh bụi.

- Quy định tốc độ các phương tiện khi chạy trên các đoạn đường nội mỏ phải tuân thủ tốc độ: 15-30 km/h.

- Hệ thống cây xanh phòng hộ môi trường: Công tác trồng cây (trồng 3 hàng cây xen kẽ) xung quanh ranh mỏ để ngăn ngừa người và gia súc tiếp cận moong, đồng thời đảm bảo ổn định cho phần sườn taluy khai thác.

** Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải tại khu vực mỏ*

- Tưới nước thường xuyên bằng xe phun nước với bồn chứa có thể tích 5m³ trên đường vận chuyển nội mỏ.

- Quy định tốc độ các phương tiện khi chạy trên các đoạn đường và đường trong khu vực trước khi ra tuyến đường chính tuân thủ tốc độ: 15-30 km/h.

** Trên tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ*

- Tưới nước giảm bụi dọc tuyến đường vận chuyển: Công ty thực hiện tưới nước giảm bụi trên đường vận chuyển từ mỏ ra đường nhựa dài 640m vào ngày nắng nhằm giảm bụi phát tán ra môi trường xung quanh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường dọc tuyến đường, ảnh hưởng đến người dân sinh sống trên tuyến đường này. Tần suất tưới ngày 2-4 lần, thời gian tưới nước là 8h sáng đến 11h sáng và từ 13h đến 17h chiều

- Duy tu, sửa chữa mặt đường đất sỏi trong khu vực trước khi ra tuyến đường chính bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển của mỏ.

- Tất cả các xe chở đất san lấp đi tiêu thụ phải có bạt che, phủ kín.

** Trong giai đoạn kết thúc khai thác:* Thu dọn công trường thường xuyên vào cuối mỗi ngày làm việc; Tiến hành tháo dỡ các công trình phụ trợ nhanh gọn; Công nhân khi thực hiện tháo dỡ phải mang khẩu trang, nón bảo hộ, bao tay.

Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án; Tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật đối với hoạt động khai thác mỏ (QCVN 04:2009/BCT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên) và các Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về môi trường hiện hành (QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn)

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thùng rác sinh hoạt có nắp đậy bố trí tại cổng ra vào mỏ, khu văn phòng để thu gom rác thải sinh hoạt; Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chất thải rắn thông thường: bố trí nhân viên thường xuyên thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định. Chất thải rắn thông thường sau khi được thu gom, phân loại: sắt thép hư hỏng, xà bần, ... được thu gom bán phế liệu cho các đơn vị có nhu cầu.

Tổ chức thực hiện giám sát, quản lý chặt chẽ đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án; thu gom, phân loại, xử lý chất thải đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Bố trí 01 kho chứa để lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại phát sinh. Kho lưu chứa chất thải nguy hại có tường tôn bao quanh, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: bố trí vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

Tổ chức thực hiện thu gom, phân loại, giám sát, quản lý chặt chẽ đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình khai thác tại Dự án được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Chủ Dự án thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung: kiểm tra, thẩm định máy đào, xúc, các xe vận chuyển đảm bảo đúng thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định; định kỳ kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị trong quá trình hoạt động Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng khai thác:

+ Xây dựng nhà điều hành tạm diện tích 1.200 m², kho chứa chất thải nguy hại diện tích 4m².

+ Trang bị 03 thùng rác sinh hoạt 120 lít có nắp đậy phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn xử lý theo quy định.

+ Lắp dựng cột mốc ranh mỏ: Số lượng cột mốc là 20 cột tương ứng với 20 điểm mốc được ghi trong Giấy phép thăm dò khoáng sản số 1440/GP-UBND ngày 13/7/2023.

+ Lắp đặt hàng rào kẽm gai: Hàng rào kẽm gai cao 2,2 m, ô lưới kẽm gai được rào có kích thước là 0,3 m x 0,2 m, theo chiều thẳng đứng có 9 hàng kẽm gai. Khối lượng thực hiện: Chiều dài: 1.273 m; số lượng trụ bê tông: 424 trụ; khối lượng lưới rào kẽm gai: 1.464 kg.

+ Lắp đặt biển báo: lắp các biển báo phản quang, hình chữ nhật 30x50cm cảnh báo nguy hiểm xung quanh khu vực mỏ, ghi rõ độ sâu và cảnh báo nguy hiểm. Số biển báo lắp đặt xung quanh khu mỏ là 26 cái.

+ Đắp đê bao quanh moong khai thác: đắp đê bao quanh khu vực khai thác để ngăn nước mặt chảy vào mỏ ảnh hưởng đến quá trình khai thác.

+ Trồng cây xung quanh moong khai thác: trồng trên diện tích chừa bờ bao 3m với 03 hàng cây gồm keo lá tràm xen kẽ cây dầu. Số lượng cây trồng là 1.273 cây keo lá tràm và 509 cây dầu.

+ Lắp đặt bảng thông báo tóm tắt thông tin của Dự án: Lắp đặt 1 bảng tóm tắt thông báo về Dự án khai thác đặt trước vị trí ra vào khu khai thác. Bảng thông báo được làm từ vật liệu tôn mạ kẽm; có dạng hình chữ nhật, kích thước 1,0 m x 1,2 m. Trên bảng có các thông tin gồm: đơn vị khai thác, giấy phép khai thác, trữ lượng khai thác, độ sâu khai thác, thời gian khai thác, các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sẽ thực hiện.

- Giai đoạn khai thác:

+ Thực hiện duy tu biển báo nguy hiểm và hàng rào kẽm gai: Khối lượng duy tu bằng 10% khối lượng biển báo nguy hiểm và hàng rào kẽm gai đã thực hiện.

+ Trồng dặm số cây chết: Thực hiện kiểm tra và trồng dặm ngay ở những vị trí có cây con chết. Tỷ lệ trồng dặm số cây chết là 20% tổng số cây trồng ban đầu.

+ Củng cố, sửa chữa bờ moong bị sạt lở: từ khi bắt đầu đến khi kết thúc khai thác phải đảm bảo các thông số bờ mỏ đúng theo báo cáo kinh kế kỹ thuật của Dự án: Góc nghiêng sườn tầng kết thúc là 60°. Công ty phải thường xuyên kiểm tra góc nghiêng bờ dùng. Những nơi bị sạt lở, Công ty phải đắp bổ sung đất vào và gọt vổ mái taluy đảm bảo an toàn. Bờ mỏ theo thiết kế khi kết thúc khai thác.

+ Cải tạo duy tu tuyến đường đất sỏi dẫn vào khu mỏ: Trong quá trình khai thác, Công ty sẽ thực hiện duy tu, vá dặm và sửa chữa tuyến đường đất sỏi bị hư hỏng do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra.

+ Thường xuyên duy trì 01 máy bơm (150 m³/h) để tránh ngập úng moong khai thác trong quá trình khai thác vào mùa mưa.

+ Thực hiện khai thác theo đúng độ sâu được cấp phép.

+ Chừa đai an toàn theo đúng thiết kế được duyệt.

+ Báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khai thác khoáng sản định kỳ: Thực hiện đúng theo Thông tư số 17/2020/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác và quy trình, phương pháp, biểu mẫu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế.

+ Nạo vét hồ thu, mương thoát nước. Lượng chất thải phát sinh từ quá trình nạo vét chủ yếu là đất, đá được vận chuyển về đắp gia cố đê bao.

+ Thực hiện chương trình giám sát môi trường.

- Giai đoạn kết thúc khai thác:

+ Chăm sóc và trồng dặm cây xanh.

+ Tháo dỡ công trình nhà điều hành tạm diện tích 120m², kho chứa chất thải nguy hại diện tích 4 m².

+ Đo vẽ địa hình hiện trạng mỏ sau khi kết thúc khai thác: đo vẽ lại địa hình hiện trạng sau khi mỏ kết thúc khai thác. Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/1.000, đường đồng mức 1m.

+ Duy tu, vá dặm và sửa chữa tuyến đường đất sỏi dẫn vào mỏ.

+ Cải tạo bờ moong sau khi kết thúc: sau khi kết thúc khai thác, bờ moong phải đảm bảo các thông số bờ mỏ đúng theo Báo cáo kinh kế kỹ thuật của Dự án.

+ Lắp đặt cống thoát nước: 2 ống cống bê tông tại vị trí gần điểm mốc số 12, tọa độ: X = 543431; Y = 1267044 với chiều dài mỗi cống là 3m; cao độ lắp đặt cống căn cứ vào mực nước tại các hồ chứa nước trong khu vực và suối Nàng Rà nằm phía Tây của khai trường. Lắp đặt ống cống theo yêu cầu kỹ thuật.

+ Giám sát môi trường: sau khi kết thúc khai thác, Công ty tiến hành đo đạc, lấy mẫu giám sát hiện trạng chất lượng môi trường tại khu vực Dự án.

+ Tổ chức giám định hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường: sau khi hoàn thành các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã đề ra, Công ty phối hợp với các đơn vị có chức năng giám định hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã thực hiện làm cơ sở để cơ quan có chức năng kiểm tra, xác nhận hoàn tất các công tác phục hồi môi trường.

Tổng hợp khối lượng công tác cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Tên công trình	Khối lượng	Đơn vị	Thời gian thực hiện và hoàn thành
A	CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG TRONG KHU VỰC KHAI THÁC			
I	GAİ ĐOẠN 1			

STT	Tên công trình	Khối lượng	Đơn vị	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	Lắp đặt mốc ranh mỏ	20	cột mốc	Thời gian thực hiện 3,6 tháng. Trước khi tiến hành khai thác
2	Lắp đặt hàng rào bảo vệ mỏ			
2.1	Chiều dài lắp đặt lưới rào	1.273	m	
2.2	Số lượng trụ bê tông	424	trụ bê tông	
2.3	Dây kẽm gai	1.464	kg	
3	Lắp đặt biển báo quanh ranh mỏ	26	Biển báo	
4	Đổ móng trụ rào kẽm gai	35,2	m ³	
5	Đắp đê bao quanh mỏ	1.910	m ³	
6	Trồng cây keo xung quanh ranh mỏ			
	Cây keo lá tràm	1.273	cây	
	Cây dầu	509	cây	
7	Lắp đặt bảng thông báo tóm tắt thông tin	1	Bảng	
8	Xây nhà điều hành tạm, kho chứa chất thải	124	m ²	
II GIAI ĐOẠN 2				
1	Duy tu biển báo và hàng rào kẽm gai	10% x Tổng khối lượng lắp dựng hàng rào và biển báo		Trong thời gian khai thác
2	Củng cố bờ moong mỏ	254,6	m ³	
3	Trồng dặm số cây chết			
	Cây keo lá tràm	255	cây	
	Cây dầu	102	cây	
4	Đo vẽ địa hình hiện trạng mỏ trong quá trình khai thác, 2 lần/năm	17,14	ha	
III GIAI ĐOẠN 3				
1	Đo vẽ địa hình kết thúc khai thác	8,57	ha	Sau khi kết thúc khai thác
2	Lắp đặt hệ thống thoát nước	2	Cống	

STT	Tên công trình	Khối lượng	Đơn vị	Thời gian thực hiện và hoàn thành
3	Thực hiện chương trình giám sát môi trường	1	Lần	
B	KHU VỰC SÂN CÔNG NGHIỆP, KHU VĂN PHÒNG VÀ KHU PHỤ TRỢ (Mcn)			
	GIAI ĐOẠN 3			
1	Tháo dỡ nhà điều hành	124	m ²	Sau khi kết thúc khai thác
2	Vận chuyển công trình ra khỏi mỏ	2	ca	
C	KHU VỰC XUNG QUANH KHÔNG THUỘC DIỆN TÍCH ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ NHƯNG BỊ THIẾT HẠI DO CÁC HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC			
I	GIAI ĐOẠN 1			
1	Nạo vét để lưu thông dòng chảy trong quá trình thoát nước mỏ	270	m ³	Thời gian thực hiện 3,6 tháng. Trước khi tiến hành khai thác
2	Nâng cấp, cải tạo đường vận chuyển ngoài mỏ	200	m ³	
II	GIAI ĐOẠN 2			
1	Duy tu, vá dặm và sửa chữa tuyến đường đất	500	m ³	Trong thời gian khai thác
III	GIAI ĐOẠN 3			
1	Duy tu, vá dặm và sửa chữa tuyến đường đất	100	m ³	Sau khi kết thúc khai thác

Thống kê thiết bị, cây xanh sử dụng trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Thiết bị, nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng
A	Nguyên liệu		
1	Giai đoạn 1		
1.1	Biển báo nguy hiểm	Biển báo	26
1.2	Cây keo lá tràm	cây	1.273
1.3	Cây dầu	cây	509
1.4	Cột mốc ranh mỏ	Mốc	20
1.5	Dây kẽm gai	kg	1.464
1.6	Đất san lấp đắp để bao và nâng cấp đường vận chuyển	m ³	2.120

STT	Thiết bị, nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng
1.7	Bảng thông báo tóm tắt thông tin của dự án	Bảng	1
2	Giai đoạn 2		
2.1	Cây keo lá tràm (trồng dặm)	cây	255
2.2	Cây dầu (trồng dặm)	cây	102
2.3	Duy tu biển báo và hàng rào kẽm gai	%	10
2.4	Đất san lấp	m ³	500
3	Giai đoạn 3		
3.1	Máy xúc 1,2m ³ /gàu (chiếc)	chiếc	1
3.2	Cống bê tông D600, 4 m/cống	cống	2
3.3	Đất san lấp	m ³	100
B	Thiết bị		
1	Máy xúc 1,2m ³ /gàu (chiếc)	chiếc	1
2	Ô tô 15 tấn (chiếc)	chiếc	1
3	Trạm cân	Chiếc	1
4	Camera giám sát	Hệ thống	1

4.4.2. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 717.010.570 đồng (bằng chữ: bảy trăm mười bảy triệu, không trăm mười nghìn, năm trăm bảy mươi đồng).

- Chủ dự án thực hiện ký quỹ như sau:

+ Số lần ký quỹ: 5 lần.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: 179.252.642 đồng (bằng chữ: một trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn, sáu trăm bốn mươi hai đồng). Số tiền ký quỹ hàng năm (chưa bao gồm yếu tố trượt giá) được tính bằng tổng số tiền ký quỹ trừ đi số tiền ký quỹ lần đầu sau đó chia đều cho các năm còn lại theo thời gian trong Dự án đầu tư hoặc giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại điểm b, Khoản 3 Điều Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

+ Số tiền ký quỹ các lần tiếp theo từ lần 2, lần 3, lần 4, lần 5 mỗi lần ký quỹ phải nộp là: 134.439.482 đồng x Chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ (Chỉ số giá tiêu dùng hàng năm áp dụng theo công bố của Tổng cục Thống kê cho tỉnh Tây Ninh).

+ Thời điểm ký quỹ:

Ký quỹ lần đầu: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ (theo quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

Việc ký quỹ từ lần thứ 2 trở đi phải thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ (theo quy định tại điểm c Khoản 6 điều 37 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh, địa chỉ: đường 30/4, phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, điện thoại liên hệ: 0276.3813664.

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a. Phương án giảm thiểu tác động ngập úng moong khai thác

- Thực hiện đắp đê bao xung quanh ranh mỏ để ngăn nước mặt chảy tràn vào mỏ.
- Thiết kế các rãnh thoát nước ở chân tầng khai thác để thu gom nước mưa chảy tràn chảy về hồ thu nước nằm dưới đáy moong.

- Thường xuyên duy trì máy bơm (150 m³/h) để tránh ngập úng moong khai thác trong quá trình khai thác vào mùa mưa.

- Tiến hành nạo vét định kỳ (1 lần/năm vào đầu mùa mưa) hồ thu nước, mương dẫn nước. Lượng chất thải phát sinh từ quá trình nạo vét chủ yếu là đất, đá nên sẽ được vận chuyển về đắp gia cố đê bao.

- Thực hiện khai thác theo đúng độ sâu được cấp phép.

b. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, CTNH

Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH phát sinh trong quá trình vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

c. Đối với các sự cố do cháy, nổ

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy định phòng cháy, chữa cháy trong khu vực.
- Tăng cường ý thức phòng cháy chữa cháy cho công nhân làm việc trong moong khai thác.

d. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động, vệ sinh và an toàn lao động

- Chừa đai an toàn theo đúng thiết kế được duyệt.
- Hệ thống đường vận tải mỏ đảm bảo an toàn, đảm bảo các thông số kỹ thuật theo thiết kế về độ dốc, góc cua, bề rộng nền đường...

- Xây dựng các hạng mục công trình bảo vệ bờ moong khai thác để ngăn người và gia súc khi lại gần. Cụ thể: đắp đê bao, lắp hàng rào kẽm gai, biển báo nguy hiểm và trồng cây xung quanh bờ moong bảo vệ khu khai thác.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện, bảo hộ lao động cho công nhân, nhân viên hoạt động khai thác mỏ (cụ thể như: đồ bảo hộ lao động, nón bảo hiểm, khẩu trang, găng tay).

- Giáo dục cho công nhân phương cách tránh sét khi có mưa giông lớn.

đ. Phòng chống sạt lở, xói lở bờ moong và bảo vệ bờ moong khai thác

- Trong quá trình khai thác:

+ Xung quanh moong khai thác chừa 3m để làm bờ bao và đai bảo vệ. Tại đây, bố trí các công trình bảo vệ bờ moong khai thác như: Lắp đặt hàng rào kẽm gai và biển báo nguy hiểm; đắp đê bao; trồng 3 hàng cây.

+ Thường xuyên giám sát góc dốc bờ moong theo thiết kế với tần suất 6 tháng/lần, trong giờ sản xuất cao điểm. Góc dốc bờ moong khai thác của mỏ cũng như các khu mỏ khác trên địa bàn tỉnh Tây Ninh sẽ được khai thác bằng phương pháp khai thác lộ thiên. Do đó phải tính toán góc ổn định bờ moong cho tất cả các lớp vật liệu có mặt trong mỏ. Góc dốc bờ moong kết thúc khai thác của mỏ được lựa chọn là 60^0 , góc nghiêng bờ kết thúc của mỏ 45^0 .

+ Trong quá trình khai thác, phải tuân theo các thông số kỹ thuật hệ thống khai thác được phê duyệt.

- Sau khi kết thúc khai thác:

+ Tiến hành duy tu các hạng mục công trình bảo vệ bờ moong khai thác như: hàng rào kẽm gai và biển báo nguy hiểm; đê bao; cây trồng xung quanh mỏ.

+ Củng cố bờ moong đảm bảo bờ moong kết thúc khai thác của mỏ được lựa chọn là 60^0 , góc nghiêng bờ kết thúc của mỏ 45^0 .

+ Cải tạo khu vực mỏ sau khi kết thúc khai thác thành hồ chứa nước và lắp đặt công thoát nước để lưu thông giữa hồ chứa nước với hệ thống mương thoát nước của khu vực.

e. Công tác duy tu bờ bao, hàng rào kẽm gai, biển báo

Trong quá trình thực hiện các hạng mục công trình duy tu bờ bao, hàng rào kẽm gai, biển báo phải tuân thủ các biện pháp an toàn lao động, đúng kỹ thuật.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ đầu tư:

5.1. Giám sát không khí xung quanh:

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm tại khu vực khai thác.

+ 01 điểm trên tuyến đường ngoài mỏ, cách ranh mỏ khoảng 1,0 km (Khu dân cư gần mỏ nhất)

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, độ rung, CO, SO₂, NO₂.

- Tần suất: 03 tháng/lần (trong thời gian khai thác) và 01 lần (sau khi kết thúc khai thác).

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

5.2. Chương trình giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.
- Tần suất: thường xuyên, liên tục.
- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải rắn phát sinh, chất thải nguy hại.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNM ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.3. Chương trình giám sát khác:

Giám sát mực nước tĩnh đảm bảo hoạt động của Dự án không gây ảnh hưởng đến mực nước ngầm xung quanh khu vực của Dự án.

Thường xuyên giám sát hiện tượng trượt lở bờ moong khai thác đặc biệt là vào mùa mưa; bố trí nhân sự thường xuyên kiểm tra bờ moong khai thác, thực hiện bơm thoát nước kịp thời; giám sát góc bờ moong.

Thường xuyên giám sát các công trình bảo vệ môi trường như: bờ bao, hàng rào kẽm gai, cây trồng, biển báo nguy hiểm, ... để kịp thời duy tu, sửa chữa theo đúng quy định.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

Công ty có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường; công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường; chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành. Nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc về môi trường nêu trong Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án.

- Thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Đảm bảo quy mô, diện tích bố trí các hạng mục công trình phù hợp, đáp ứng các điều kiện an toàn, môi trường theo quy định hiện hành.

- Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu

cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong các giai đoạn chuẩn bị khai thác, khai thác, kết thúc Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện Dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Theo dõi, giám sát xói mòn, trượt lở đất, giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; số liệu quan trắc phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra; tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Quyết định này và theo quy định pháp luật.

- Tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động, tài nguyên nước, khoáng sản và các quy định khác của pháp luật trong các hoạt động của Dự án.

- Tuân thủ các biện pháp an toàn trong phòng, chống sự cố cháy nổ, trượt lở, sụt lún trong khu vực khai thác và các tuyến đường vận tải mỏ nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị. Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường./.